

| STT | SBD      | Họ và Tên        | Khối   | Lớp | Điểm  |
|-----|----------|------------------|--------|-----|-------|
| 1   | 10321941 | Bon              | Khối 1 | 1A1 | 5,070 |
| 2   | 10568848 | Nguyễn Ánh Dương | Khối 1 | 1A1 | 3,870 |
| 3   | 10304637 | tyjhujh          | Khối 1 | 1A1 | 3,120 |
| 4   | 10568479 | Lê Hà Anh        | Khối 1 | 1A1 | 900   |
| 5   | 10550684 | Nguyễn Duy Anh   | Khối 1 | 1A1 | 0     |